

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

CAO KỲ HƯƠNG

**LY HÔN TRONG CÁC GIA ĐÌNH
NGƯỜI VIỆT THEO CÔNG GIÁO
(QUA NGHIÊN CỨU GIÁO XỨ
CHỢ MỚI, NHA TRANG, KHÁNH HOÀ)**

Chuyên ngành: VĂN HOÁ DÂN GIAN

Mã số: 62 22 01 30

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HOÁ HỌC

HÀ NỘI - 2017

Công trình được hoàn thành tại:
Khoa Văn hoá học – Học viện Khoa học xã hội

Người hướng dẫn khoa học:
GS TS Lê Hồng Lý

Phản biện 1: PGS. TS. Trần Đức Ngôn

Phản biện 2: PGS. TS. Bùi Quang Thanh

Phản biện 3: PGS. TS. Nguyễn Hồng Dương

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp
Học viện họp tại Học viện Khoa học xã hội, 477 Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội vào hồi.....giờ.....phút,
ngày.....tháng.....năm 2017.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Học viện Khoa học xã hội
- Thư viện Quốc gia Việt Nam

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ

- 1.Cao Kỳ Hương (2013), Ly hôn trong các cộng đồng người Công giáo được hiểu như thế nào?, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1(145), Hà Nội, tr. 27-35.
- 2.Cao Kỳ Hương (2014), Thực trạng ly hôn trong các cộng đồng Công giáo ở Khánh Hòa, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 5(155), Hà Nội, tr. 69-76.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Luật Hôn nhân và Gia đình (HNVGĐ) năm 2000, được sửa đổi bổ sung năm 2010, khẳng định ngay trong Lời nói đầu: “Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt.” [80, tr. 9; tr. 74]. Trong xã hội Việt Nam hiện nay, hiện tượng gia đình tan rã hoặc biến thể đang gia tăng. Theo thống kê quốc gia, tình hình ly hôn tăng nhanh mỗi năm: năm 2005 có 65.929 vụ, thì đến năm 2010 có 126.325 vụ [197].

Công giáo vốn được biết đến là tôn giáo chủ trương gia đình chỉ một vợ một chồng (đơn hôn) và không ly hôn (vĩnh hôn). Cho nên từ trước đến nay, khi viết về gia đình người Công giáo, đặc biệt là giá trị hôn nhân Công giáo, không ít các nhà nghiên cứu cho rằng đó là hôn nhân có truyền thống bền vững, đảm bảo sự yên ổn trong gia đình và thường lấy đó làm thước đo khi đề cập đến hôn nhân của những thành phần xã hội khác. Thế nhưng, trải qua thời gian, đặc biệt từ thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, ly hôn trong các gia đình Công giáo đang có chiều hướng gia tăng. Nếu trước năm 1990, tức là cách đây khoảng 20-25 năm, ly hôn trong Công giáo là hiện tượng hết sức hiếm, hầu như không có, hoặc nếu có, chỉ vài người lén lút, thì hiện nay, giáo dân có thể biết rõ ràng những ai ly hôn trong giáo xứ mình. Điều này cho thấy giá trị hôn nhân của Công giáo đang bị tổn thương, giáo lý về hôn nhân “bất khả phân ly” và bí tích hôn phối đang trở nên bất khả toàn.

Đã có một số công trình nghiên cứu ly hôn về nhiều khía cạnh và dưới các góc độ chuyên ngành. Tuy vậy, vẫn còn khoảng trống về nghiên cứu ly hôn trong các cộng đồng tôn giáo, đặc biệt là hiện tượng ly hôn trong Công giáo ở khu vực Nam Trung Bộ. Như thế, đề tài **Ly hôn trong các gia đình người Việt theo Công giáo** là cần

thiết, góp phần làm hoàn chỉnh tổng thể các nghiên cứu khoa học về thực trạng ly hôn ở nước ta.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Câu hỏi nghiên cứu

Đó là 1) Thực trạng ly hôn ở giáo xứ Chợ Mới, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà trong bối cảnh xã hội chuyển đổi hiện nay như thế nào? và 2) Thực trạng đó hiện nay nói lên điều gì về quan niệm và lối sống của giáo dân ở đó trên phương diện hôn nhân và ly hôn?

2.2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là trên cơ sở lý luận và thực tiễn ly hôn của người Công giáo tại một địa phương cụ thể ở vùng đất Nam Trung Bộ, nhìn nhận thực trạng của nó đã diễn ra như thế nào và lý giải toàn diện về hiện tượng xã hội này.

2.3. Nhiệm vụ của luận án

Từ đó nhiệm vụ của luận án là 1) Làm rõ bối cảnh xã hội tác động đến vấn đề ly hôn của người Công giáo ở giáo xứ Chợ Mới, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà; 2) Làm rõ quan niệm của người Việt Công giáo tại địa phương đó về hôn nhân và gia đình và vấn đề ly hôn; 3) Làm rõ thực trạng ly hôn của người Việt Công giáo qua khảo sát tại địa phương đó; và 4) Từ đó, luận án sẽ hướng tới việc lý giải tại sao lại diễn ra thực trạng đó và những hệ lụy mà nó đem lại như thế nào?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là thực trạng ly hôn của người Công giáo. Đối tượng khảo sát là các trường hợp ly hôn ở địa bàn nghiên cứu. Thời gian khảo sát gồm các trường hợp ly hôn từ 1990 đến 2014. Phạm vi khảo sát được thu hẹp ở giáo xứ Chợ Mới thuộc xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

4. Phương pháp nghiên cứu của luận án

Để thực hiện đề tài này, chúng tôi sử dụng phương pháp liên ngành văn hoá học-xã hội học. Đó là quan sát và chủ yếu là phỏng

vấn đề tìm hiểu động cơ và ý nghĩa phía sau các hành động của chủ thể văn hoá. Đồng thời chúng tôi còn quan tâm phân tích-tổng hợp các tài liệu thứ cấp, internet và thực địa nhằm kế thừa những thành quả của các nghiên cứu có sẵn và bổ sung những mặt khác của các nghiên cứu đó.

Đối tượng quan sát là thực trạng ly hôn ở giáo xứ Chợ Mới, đối tượng phỏng vấn sâu bao gồm trước hết các bên ly hôn nhiều người hết sức có thể, rồi đến người thân của họ. Ngoài ra chúng tôi còn phỏng vấn ngẫu nhiên khoảng 30 đối tượng. Cách phỏng vấn gồm phỏng vấn mở (để người được phỏng vấn thoải mái bộc lộ suy nghĩ) và phỏng vấn hồi cố.

Theo nguyên tắc đạo đức khoa học cũng như để người được phỏng vấn yên tâm, tôi phải cam kết giữ bí mật nhân thân của họ bằng cách ẩn các thông tin nhạy cảm. Vì thế, tất cả nhân vật nêu trong luận án này đều đã được thay đổi tên họ.

Về nguồn tư liệu, để có những thông tin đáng tin cậy nhất, tôi tìm số liệu nơi linh mục quản xứ và của Toà án hôn phối giáo phận Nha Trang. Bên cạnh đó, tôi còn xin được số liệu ly hôn chính thức, các thông tin mà toà án xử lý hôn, từ các cán bộ Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, và ở Toà án thành phố Nha Trang.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần vào nhận thức tốt hơn về vấn đề hôn nhân và ly hôn hiện nay ở Việt Nam, đặc biệt đối với cộng đồng Công giáo ở Việt Nam. Luận án đóng góp tư liệu cho các nghiên cứu về văn hoá Công giáo.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Luận án dùng những dữ liệu mới tại một địa phương để thảo luận với lý thuyết về ly hôn của tác giả người Anh là Mary Nicolette Hart, và từ đó xem xét mức độ phù hợp của lý thuyết đó, hoặc bổ sung, kế thừa các luận điểm.

Về mặt thực tiễn, luận án góp thêm một nghiên cứu trường hợp vào trong các tranh luận về chủ đề đã và đang ngày càng được quan tâm trong các ngành khoa học xã hội. Luận án còn là cứ liệu khoa học giúp các nhà nghiên cứu xã hội hiểu thêm về một bộ phận người Việt theo tôn giáo trong vấn đề ly hôn, đóng góp phần nhỏ vào tổng thể văn hóa xã hội Việt Nam hiện nay. Kết quả của luận án góp phần làm phong phú thêm những nghiên cứu về gia đình và cũng là một nguồn tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu về hôn nhân và gia đình.

7. Cơ cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, kết cấu luận án gồm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và một số vấn đề lý luận

Chương 2. Bối cảnh địa bàn nghiên cứu và quan niệm của giáo dân Chợ Mới, của giáo lý Công giáo về hôn nhân và gia đình.

Chương 3. Thực trạng ly hôn ở giáo xứ Chợ Mới.

Chương 4. Một số vấn đề đặt ra và bàn luận từ các trường hợp ly hôn của giáo dân Chợ Mới.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

1.1. Tình hình nghiên cứu

Vào thập niên 1990-2000, Mai Huy Bích nhận định là ở Việt Nam các nghiên cứu về ly hôn còn ít [16, tr. 122]. Tuy nhiên trong những năm gần đây đã có khá nhiều nghiên cứu về ly hôn dưới nhiều góc độ. Dựa vào các tài liệu khai thác được, luận án tạm chia chúng thành hai nhóm dựa theo hướng nghiên cứu:

1.1.1. Những nghiên cứu về ly hôn nói chung

Đó là các cuốn *Xã hội học gia đình*, (Mai Huy Bích), giáo trình *Gia đình nhìn từ góc độ Xã hội học* (Nguyễn Thị Oanh), cuốn *Model of Divorce in Contemporary Vietnam: A socio-economic and*

structural analysis of divorce in the Red River Delta in 2000s (Trần Thị Minh Thi) ...

Nghiên cứu ly hôn ở nước ngoài, có bài *Một số vấn đề gia đình ở Nhật Bản* (Hoàng Hoa), bài viết *Ly hôn ở Mỹ và những hậu quả của nó* (do Nguyễn Thanh lược thuật), bài viết *The family, its members and society* (Gia đình, các thành viên của gia đình và xã hội) của Laszlo Cseh-Szombathy...

1.1.2. Những nghiên cứu về ly hôn Công giáo

Đó là các bài nghiên cứu “*Vấn đề ly hôn - nhìn từ sự tác động của yếu tố văn hóa truyền thống* (Tham chiếu từ số liệu ở Tòa án Nhân dân Thành phố Huế)” (Hoàng Thị Ái Hoa), bài *Tình hình ly hôn trong xã hội ta ngày nay*, (Nguyễn Thị Ngọc Khanh). Ngoài ra, rải rác trong nhiều bài viết, một số tác giả đề cập đến hôn nhân và ly hôn Công giáo, như trong cuốn *Tổ chức xứ, họ đạo Công giáo ở Việt Nam*, (Nguyễn Hồng Dương), bài “*Phác thảo về tư duy và lối sống của người Công giáo Việt Nam*” (Nguyễn Quang Hưng)...

Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay *Gaudium et Spes* của công đồng Vatican II khẳng định tính bền vững của hôn nhân [92, tr. 412]. Bộ Giáo luật (Gl) mới 1983 đã điều chỉnh lại một số luật về hôn nhân. Giáo luật không còn nói đến vạ tuyệt thông cho những người ly hôn như trong Gl cũ. Cuốn Giáo lý Hội thánh Công giáo (GLHTCG) 1992 cho rằng ly hôn là một xúc phạm nghiêm trọng đối với luật tự nhiên. Tuy nhiên có những hoàn cảnh thực tế đôi phối ngẫu không thể tiếp tục sống chung được. Trong những trường hợp này, Hội thánh chấp nhận sự ly thân và chấm dứt việc sống chung của đôi phối ngẫu. Họ vẫn là chồng, là vợ của nhau trước mặt Thiên Chúa (GLHTCG 1649).

Từ ba văn kiện cơ bản trên (Công đồng, Gl, GLHTCG), các nghiên cứu ly hôn Công giáo dưới nhiều góc độ đã được triển khai qua nhiều nghiên cứu như cuốn *Hội nhập văn hóa trong hôn nhân và gia đình Việt Nam* (linh mục Nguyễn Văn Dụ), cuốn *Tìm hiểu hôn*

nhân trong giáo luật, trong luật hôn nhân gia đình (linh mục FX. Tân Yên Nguyễn Hùng Oánh), ...

Ở nước ngoài có rất nhiều tác phẩm nghiên cứu lý hôn xét theo khía cạnh bí tích hoặc giáo lý, như cuốn *Christian Marriage. An Historical and Doctrinal Study* (Joyce G.H.), đáng chú ý trong nhóm này là cuốn sách *Một lối nhìn mới về bí tích (A newlook at the sacraments)* (William J. Bausch)...

Một số nghiên cứu lại xem xét lý hôn dưới góc độ luật pháp của tôn giáo, như cuốn *The Evolution of the Concept of marriage from Vatican II to the New Code of Canon Law* (Puthotta R.). Có thể xem đại diện của nhóm là cuốn *The invalid marriage* của Lawrence G. Wrenn.

1.1.3. Nhận xét tình hình nghiên cứu

1.1.3.1. Các vấn đề đã được đề cập (được tóm tắt ở tiểu kết)

1.1.3.2. Các vấn đề chưa được đề cập (được tóm tắt ở tiểu kết)

1.2. Một số vấn đề lý luận

Để nghiên cứu các trường hợp lý hôn cụ thể ở một địa phương, luận án sử dụng lý thuyết ba nhóm nhân tố của tác giả người Anh là Mary Nicolette Hart trong cuốn *When marriage ends, A study in Status passage*. Ba nhóm nhân tố đó là các nhân tố tác động đến giá trị của hôn nhân, các nhân tố tác động đến xung đột vợ chồng, và các nhân tố tác động đến cơ hội để cá nhân thoát khỏi hôn nhân [16, tr. 126].

1.3. Một số khái niệm được sử dụng trong luận án

Hôn nhân hoàn hợp có nghĩa là hôn nhân giữa hai người Công giáo đã được cử hành hợp (thể) thức, hợp pháp và đã giao hợp vợ chồng. **Hôn nhân thành sự**, còn gọi là thành nhận, có nghĩa là hôn nhân giữa hai người Công giáo đã cử hành hợp thức, hợp pháp nhưng chưa giao hợp. **Ly hôn** là chấm dứt quan hệ hôn nhân do Toà án công nhận hoặc quyết định theo yêu cầu của vợ hoặc chồng hoặc cả hai vợ chồng.

Thế tục hoá: John Sommerville trong bài báo “*Secular Society Religious Population: Our Tacit Rules for Using the Term Secularization*” (1998) nêu lên 5 cách hiểu khác nhau trong các tài

liệu khoa học về từ ngữ thể tục hóa [195, đoạn 7]. Luận án sử dụng nghĩa thứ tư (sự chuyển đổi từ những quan tâm về các mục đích tối thượng sang những quan tâm về các vấn đề gần gũi, là một sự giảm sút lòng mộ đạo của cá nhân) và nghĩa thứ năm của thể tục hóa (những khuynh hướng chung của xã hội giảm sút về niềm tin tôn giáo).

Tiểu kết chương 1

Qua phân tích một số tài liệu khai thác được, có thể thấy các nghiên cứu trong nước cũng như ngoài nước đã trình bày nguyên nhân, thực trạng, hậu quả của ly hôn, dựa trên các thống kê đáng tin cậy, và dưới nhiều khía cạnh mới của xã hội hiện nay. Tuy nhiên, có những tài liệu trình bày ly hôn như một phần nhỏ trong toàn bộ, hoặc chưa đi sâu vào trường hợp ly hôn của một tôn giáo cụ thể như Công giáo. Luận án kế thừa các kết quả nêu trên khi nghiên cứu về ly hôn trong các gia đình Công giáo.

Trong các nghiên cứu ly hôn Công giáo, các tác giả Công giáo nêu cao việc gìn giữ, bảo vệ hôn nhân bền vững, với nhiều lý do thuần túy tôn giáo, nhưng chưa quan tâm đủ đến các khía cạnh khác như văn hóa, xã hội, tâm lý... Còn các tác giả ngoài Công giáo đã ít nhiều nói lên giá trị của hôn nhân Công giáo. Phần lớn họ đều thấy mặt tốt của các gia đình người Việt theo Công giáo. Điều này đồng thời cũng cho thấy một khía cạnh ẩn khuất cần được nghiên cứu, đó là các trường hợp ly hôn của gia đình Công giáo Việt Nam. Đặc biệt ở vùng đất giáo xứ Chợ Mới, Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa thì chưa có tác giả nào nghiên cứu. Và đây chính là mảnh đất cho luận án mạnh dạn khai thác, căn cứ trên lý thuyết ba nhân tố của Hart.

Chương 2

BỐI CẢNH ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ QUAN NIỆM CỦA GIÁO DÂN CHỢ MỚI, CỦA GIÁO LÝ CÔNG GIÁO VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

2.1. Tổng quan giáo xứ Chợ Mới

2.1.1. Lịch sử hình thành

Theo sử liệu thì tỉnh Khánh Hoà hình thành vào năm 1653 khi Nguyễn Phúc Tần (Hiền Vương) đặt Cai cơ Hùng Lộc làm trấn thủ phủ Thái Khang (Khánh Hoà) [128, tr. 134]. Giám mục đầu tiên của Đàng Trong là giám mục Lambert de la Motte đã đặt chân lên Chợ Mới đêm 1-9-1671 để thăm viếng và chúc lành cho giáo dân [73, tr. 51]. Giáo xứ Chợ Mới từ trước tới nay mang nhiều tên gọi khác nhau như Lâm Tuyền, Lâm Thuyền (Xóm Thuyền), Lâm Toàn, Lâm Toàn. Trong thời Pháp thuộc, tại Lâm Toàn có một cái chợ nhỏ nằm cách giáo xứ khoảng 2 cây số. Người ta xây một ngôi chợ rộng rãi cao ráo để thay thế cái chợ nhỏ kia, và gọi nó là Chợ Mới. Từ đó tên mới thay tên cũ. Địa giới giáo xứ Chợ Mới hiện nay gồm xã Vĩnh Ngọc, một phần xã Vĩnh Thạnh và một phần phường Ngọc Hiệp.

2.1.2. Đặc điểm dân cư, dân số

Những cư dân Công giáo đầu tiên của giáo xứ Chợ Mới là những người vùng Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên theo phong trào Nam tiến thời Chúa Nguyễn di trú vào.

2.1.3. Đời sống kinh tế và văn hóa xã hội

Hiện nay, mực nước sông Cái khô cạn khiến cho đất đai bị nhiễm mặn, nhiều phèn, nên ngoài cây dừa, những thứ cây khác khó phát triển. Nhờ cách thành phố 3km, đời sống của giáo dân xứ Chợ Mới nhanh chóng tiếp thu những văn minh, văn hóa của kinh tế thị trường hơn các giáo xứ nông thôn khác. Số người học xong trung học phổ thông, trung học cơ sở thì nhiều, nhưng học lên đại học rất ít. Giáo xứ được chia làm sáu khu giáo; một Ban hành giáo gồm 18 thành viên. Giáo xứ có bốn ca đoàn, 5 hội đoàn [74, tr.150].

2.2. Sự chuyển đổi của địa bàn trong bối cảnh xã hội Việt Nam đương đại

2.2.1. Những thay đổi về kinh tế

Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam đến nay đã 30 năm, đem lại nhiều biến chuyển về mọi mặt cho đất nước. Từ năm 1998 nhiều thị dân

chọn mua các mảnh đất ở gần thành phố, tiện đường đi về, mà giá cả lại phù hợp. Tại xã Vĩnh Ngọc có 98 doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động [208]. Những nghề mới giải quyết việc làm cho nhiều giáo dân ở đây. Có sự chuyển đổi nghề nghiệp: trước kia 90% giáo dân làm nông, 10% theo tiểu thủ công nghiệp, thì nay tỷ lệ đảo ngược.

2.2.2. Những thay đổi về chính sách tôn giáo, tổ chức tôn giáo

Về mặt tổ chức, thông qua pháp luật, chính quyền đã kiểm soát các hoạt động của mọi thiết chế xã hội, trong đó có Công giáo. Ở Chợ Mới, nhiều chức năng trước kia do giáo xứ đảm nhận như quản trị, toà án, y tế, giáo dục, nay được Nhà nước đảm trách.

2.2.3. Những thay đổi về văn hoá

Từ khi Đổi mới, đất nước ta mở cửa ra thế giới, đã tiếp thu nhiều yếu tố mới về các mặt xã hội, trong đó có văn hoá. Việc tiếp cận thông tin đa chiều từ nước ngoài thường xuyên ảnh hưởng đến quan niệm sống và lối sống của người Việt. Quan niệm sống bị thay đổi là do mục đích sống: trước kia, sống cho cộng đồng, tập thể, hy sinh cái tôi cho cộng đồng khi cần thiết; ngày nay, sống là để hưởng thụ, từ đó sống cho cái tôi nhiều hơn. Lối sống ngày nay của người Việt có các đặc điểm: sống nhanh đến mức độ vội vàng gấp gáp, sống hưởng thụ, gia đình sinh ít con, và đa dạng giải trí.

2.2.4. Những thay đổi về pháp luật

Nhà nước Việt Nam đang tiến dần đến Nhà nước pháp quyền. Nhờ được giáo dục và tuyên truyền, người dân ý thức hơn về các quyền như bình đẳng giới, tự nguyện kết hôn và ly hôn. Pháp luật ngày nay thuận lợi cho việc ly hôn.

2.3. Quan niệm của giáo dân Chợ Mới và của giáo lý Công giáo về hôn nhân và gia đình

2.3.1. Quan niệm của giáo dân Chợ Mới về hôn nhân và gia đình

Qua phỏng vấn nhóm 7 đối tượng nam nữ lớp tuổi 21-34 và 9 đối tượng nam nữ lớp tuổi 35-60 với nghề nghiệp đa dạng, chúng tôi đúc kết lại thành bảng như sau:

Bảng 2.2. Tổng hợp phỏng vấn về quan niệm hôn nhân của 16 đối tượng nam nữ ở giáo xứ Chợ Mới (nguồn: tư liệu điền dã)

Câu hỏi \ Đối tượng	5 nam	4 nữ	3 nam	4 nữ
	35-50 tuổi		21-34 tuổi	
1. Vợ chồng có thể ly hôn	0	0	3	4
2. Kết hôn cần cha mẹ đồng ý	4	3	1	2
3. Cần kết hôn ở nhà thờ	5	4	0	4
4. Cần đăng ký kết hôn	5	4	3	4
5. Hôn nhân là do ý Chúa	4	4	1	3
6. Hôn nhân do duyên số	1	0	2	1
7. Cần cùng đạo	3	3	1	2
8. Một vợ, một chồng	5	4	3	4
9. Ổn định nghề nghiệp	4	3	2	2
10. Môn đăng hộ đối	4	3	1	2

Có thể thấy câu trả lời của hai nhóm có sự khác biệt.

Hôn nhân giữa người Công giáo với người không Công giáo có nhiều điểm tương đồng. Khác biệt nằm ở việc hôn nhân Công giáo là bí tích của đạo, có đặc tính đơn nhất và bất khả phân ly.

Về quan niệm gia đình, giáo dân Chợ Mới nhằm lẫn giữa việc sống chung cùng hộ với chế định gia đình.

Bảng 2.3. Tổng hợp phỏng vấn về quan niệm gia đình của 16 đối tượng nam nữ ở giáo xứ Chợ Mới (nguồn: tư liệu điền dã)

Câu hỏi \ Đối tượng	5 nam	4 nữ	3 nam	4 nữ
	35-50 tuổi		21-34 tuổi	
1. Cha mẹ+vợ chồng+con	2	2	1	1
2. Vợ chồng+con cái	3	2	2	3
3. Vợ chồng+anh chị em vợ	0	2	1	3
4. Vợ chồng+anh chị em chồng	2	0	1	1

2.3.2. Quan niệm về hôn nhân và gia đình theo giáo lý Công giáo

Về hôn nhân, giáo lý Công giáo dạy: Hôn nhân là một giao ước ký kết giữa một người nam và một người nữ, với ý thức tự do và trách nhiệm [52, số 1601]. Ba nét chính định nghĩa gia đình theo Giáo hội đó là hình ảnh Thiên Chúa, Giáo hội tại gia, tế bào căn bản của đời sống xã hội. Từ quan điểm gia đình Công giáo kể trên phát xuất các quan hệ trong gia đình Công giáo: vợ chồng, cha mẹ con cái, anh chị em.

2.3.3. Thay đổi quan niệm về hôn nhân và gia đình của giáo dân Chợ Mới

Trong những năm gần đây, số thanh niên nam nữ giáo xứ Chợ Mới học tập, lao động ở thành phố gia tăng, hấp thụ hoặc tiềm ẩn những suy nghĩ mới phi truyền thống. Còn phần lớn giáo dân không đồng ý việc người Công giáo ly hôn, vì như thế là vi phạm luật Chúa, phản bội lời thề chung thủy trong ngày kết hôn.

Tiểu kết chương 2

Giáo xứ Chợ Mới hiện nay thuộc xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà, hiện có 2.340 giáo dân, với 721 hộ. Đa số cư dân đã sống tại đây lâu đời. Có một phần giáo dân từ Bình Định, Phú Yên mới vào lập nghiệp khoảng 150 năm trở lại đây. Nếu mỗi làng Việt là một tập thể cộng sinh, cộng cảm, cộng mệnh, thì giáo xứ Chợ Mới là một làng Việt điển hình như thế. Sức cố kết giữa các giáo dân ở đây thật là bền chặt. Về nghề nghiệp, giáo dân trước kia hầu như sinh sống bằng nghề nông, có một số nghề phụ như nghề làm gốm. Hiện nay do quá trình đô thị hoá, tỷ lệ số dân còn làm nông chỉ chiếm 10%. Từ khi đất nước đổi mới, có nhiều chuyển động về thông tin, về văn hoá, giáo dục. Cũng như những người dân ở những nơi khác, lối sống của người giáo dân ở Chợ Mới đang thay đổi. Đó là xu hướng tăng nhanh của các gia đình hạt nhân, là việc giới trẻ một mặt hấp thụ lối sống nhanh, mặt khác tiềm ẩn lối sống đặt đồng tiền lên trên hết.

Trong quan niệm về hôn nhân, nếu hôn nhân truyền thống là bền chặt (do quy định của pháp luật và dư luận, do giáo lý), thì hiện nay quan niệm về hôn nhân cũng có sự thay đổi nhất định. Đã có sự khác nhau giữa lớp người lớn tuổi và thanh niên. Phần lớn giáo dân Chợ Mới ngày nay quan niệm về gia đình một cách mộc mạc, đơn giản như gốc gác nông dân của họ. Trong khi đó giáo lý Công giáo đề ra những hình mẫu cho giáo dân sống: gia đình là hình ảnh Thiên Chúa, là Giáo hội tại gia, và là tế bào căn bản của đời sống xã hội. Nhưng do ảnh hưởng của biến chuyển kinh tế, văn hoá, quan điểm hôn nhân và gia đình nơi một số giáo dân không còn chính thống theo giáo lý.

Chương 3

THỰC TRẠNG LY HÔN Ở GIÁO XỨ CHỢ MỚI

3.1. Khái quát tình hình ly hôn ở giáo xứ Chợ Mới

3.1.1. Tình hình chung

Theo thống kê tòa án, riêng tại Nha Trang từ năm 2005 đến năm 2011 đã có 6689 án ly hôn mà nguyên nhân phần lớn do quan điểm sống không phù hợp (70%) [139; 140; 141; 142; 143; 144; 145].

3.1.2. Hiện trạng ly hôn trong giáo xứ

Theo số liệu giáo xứ, tính đến năm 2012, tổng cộng có khoảng 14 gia đình ly hôn tái hôn. Trong 14 đôi đó, chúng tôi chỉ có thể tiếp cận được 1 đôi vợ chồng đầy đủ, cũng như 6 người nam và 2 người nữ của 8 đôi, bởi vì những người còn lại đã chuyển đến nơi khác sinh sống, không thể liên lạc được. Dựa trên số liệu của giáo xứ về tình hình gia đình trong 5 năm (2007-2011), chúng tôi lập bảng thống kê:

Bảng 3.1. Thống kê hôn nhân và gia đình giáo xứ Chợ Mới trong 5 năm. (Nguồn: Sổ tắt niên giáo xứ báo cáo nộp Toà giám mục)

Năm	2007	2008	2009	2010	2011
Số gia đình Công giáo	577	610	645	686	721
Hôn phối Công giáo	12	11	25	29	39
Chuẩn khác đạo	6		5	5	1
Hôn nhân dị tín	5	1	2		
Ly thân bất hợp pháp					1
Ly hôn	3		1		

Về số liệu ly hôn, năm 2007 có 3 đôi ly hôn trên tổng số 577 đôi, năm 2009 chỉ có 1 đôi ly hôn trong 645 đôi.

3.2. Các tham số ly hôn tại giáo xứ Chợ Mới

3.2.1. Về cá nhân các đôi ly hôn

3.2.1.1. Xét theo khía cạnh xã hội

Các câu trả lời phỏng vấn được tổng hợp lại theo tiêu chí dưới đây:

Bảng 3.2. Thống kê tổng hợp các tiêu chí cá nhân người ly hôn theo khía cạnh xã hội (Nguồn: tư liệu điền dã của tác giả)

Các tiêu chí chung	7 nam	3 nữ
1.Trình độ học vấn: trung học cơ sở	4	2
trung học phổ thông	2	1

đại học	1	
2.Nghề nghiệp: lao động nông nghiệp	3	1
lao động phi nông nghiệp	4	2
3.Kết hôn với người ngoài giáo xứ	6	1
trong giáo xứ	1	2
4.Người đứng đơn xin ly hôn:	0	2
cả hai	3	1
Thông tin khác (vợ đứng đơn)	4	
5.Tình hình kinh tế trước khi ly hôn: khá giả	2	
trung bình	4	2
nghèo	1	1
6.Tình hình kinh tế hiện nay: khá giả	4	1
trung bình	3	2
7.Người đóng góp chính trong gia đình:	6	1
cả hai	1	2
8.Thời gian làm quen cho đến kết hôn: dưới 1 năm	6	3
trên 1 năm	1	
9.Tuổi kết hôn: 18-30 tuổi	7	3
10.Tuổi ly hôn: 20-30 tuổi	6	2
31-40 tuổi	1	
41-60 tuổi		1
11.Độ dài sống chung: 1-5 năm	6	2
6-10 năm	1	
trên 10 năm		1
12.Chênh lệch tuổi vợ chồng: 0-5 tuổi	5	2
5-10 tuổi		1
không rõ vì thiếu thông tin	2	
13.Thời gian ở một mình sau ly hôn: 1-5 năm	5	
6-10 năm	2	1
vẫn còn độc thân		2

Về lý do ly hôn, những lý do thuộc khía cạnh xã hội dân sự được chia theo quan điểm của nam giới và nữ giới như sau:

Bảng 3.3. Thống kê tổng hợp lý do ly hôn, khía cạnh xã hội

(Nguồn: tư liệu điền dã của tác giả)

Các lý do	theo 7 nam	theo 3 nữ
1.Ngoại tình	1	1
2.Bạo lực gia đình		1
3.Không chia sẻ việc nhà		1
4.Không phù hợp lối sống, mâu thuẫn vợ chồng	7	7
5.Mâu thuẫn với gia đình chồng, vợ	1	1
6.Kinh tế khó khăn		1

7.Nghiện rượu		1
---------------	--	---

Đối với người Công giáo, ngoại tình là một lý do rất quan trọng để chia tay, vì nó xúc phạm đến lời thề hứa trước Chúa và trước mọi người trong giáo xứ. Bà Thúy Hằng (1963) kết hôn với ông Hùng con của ông trưởng Ban hành giáo. Ngay từ khi biết tin ông Hùng đi theo nhân tình (năm 1990), gia đình bà đã đến nhà cha mẹ ông Hùng để yêu cầu làm rõ và kêu gọi con họ điều chỉnh hành vi mất đạo đức kia. Việc ông Hùng đi theo vợ bé ảnh hưởng đến gia đình: cha ông không được giáo dân tín nhiệm đề cử làm trưởng Ban hành giáo nữa.

3.2.1.2. Xét theo khía cạnh tôn giáo

Vì đây là nghiên cứu các trường hợp ly hôn ở giáo xứ, một số yếu tố liên quan đến tôn giáo, được đúc kết lại thành bảng tổng hợp như sau:

Bảng 3.4. Thống kê tổng hợp tiêu chí cá nhân người ly hôn, khía cạnh tôn giáo (Nguồn: tư liệu điền dã của tác giả)

Các tiêu chí chung	7 nam	3 nữ
1.Giáo lý hôn nhân học kỹ	2	1
Giáo lý hôn nhân sơ sài	5	2
2.Kết hôn với người đồng đạo	2	2
Kết hôn với người tông giáo	4	1
Kết hôn được phép chuẩn (đạo ai nấy giữ)	1	
3.Tình trạng sống đạo: đạo đức	2	2
Tình trạng sống đạo: khô đạo	5	1
4.Ly hôn thụ động	4	2
Ly hôn thoả thuận	3	1
5.Tái hôn với người đồng đạo	2	
Tái hôn với người tông giáo	1	
Tái hôn với người ngoài đạo	4	2
Không tái hôn		1
6.Tái hôn với người ngoài giáo xứ	7	2
7.Ly hôn vì mâu thuẫn lối sống khác đạo	6	1

Qua thực tế nghiên cứu, dưới góc độ tôn giáo, mâu thuẫn lối sống khác đạo là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến ly hôn. Trường hợp sau đây, là một mẫu về đặc loại mâu thuẫn này.

Cô Hoàng Thị Cúc chấp nhận kết hôn với anh Tôn, từ bỏ đạo Phật cải sang Công giáo. Trong thời gian chung sống ở gia đình vợ, anh

Tôn can ngăn chị Cúc tham gia các lễ bái Phật giáo khiến cha mẹ vợ không hài lòng. Hai vợ chồng thường xuyên xung khắc với nhau vì những thói quen tôn giáo của mỗi người. Cho nên khi chị Cúc gặp người tình mới không Công giáo, cha mẹ bên chị che giấu và ủng hộ, nhất là khi chị đang sống ở nhà cha mẹ ruột. Sau bao lần được khuyên can, hoà giải bất thành, hai người thoả thuận ly hôn trước tòa. Như thế, mặc dù hai người tìm hiểu nhau lâu dài, nhưng họ vẫn chia tay.

3.2.2. Về gia đình các đôi ly hôn

3.2.2.1. Xét theo khía cạnh xã hội

Bảng 3.5. Thống kê tổng hợp số liệu liên quan đến con cái các đôi ly hôn (Nguồn: tư liệu điền dã của tác giả)

Các số liệu về con cái của 7 nam và 3 nữ khi ly hôn	7nam	3 nữ
1.Khi ly hôn chưa có con	2	1
Khi ly hôn 1 con trai	3	1
Khi ly hôn 1 con gái	1	
Khi ly hôn 2 con (trai+gái)	1	1
2.Độ tuổi con cái: trai 1-5 tuổi	4	1
gái 1-5 tuổi	1	1
3.Thu xếp con cái ở với cha	1	
Thu xếp con cái ở với mẹ	4	2
4.Người trợ cấp	5	2

Bảng 3.6. Thống kê tổng hợp tiêu chí gia đình người ly hôn, khía cạnh xã hội (Nguồn: tư liệu điền dã của tác giả)

Các tiêu chí về gia đình	7 nam	3 nữ
1.Ở bên cha mẹ chồng	6	3
Ở bên cha mẹ vợ	1	
2.Ở nhà riêng sau khi kết hôn (dưới một năm)	4	
Ở nhà riêng sau khi kết hôn (trên một năm)	1	
Ở chung với cha mẹ	2	
3.Làm dâu		3
Làm rể		
4.Nghề nghiệp gia đình: lao động nông nghiệp	3	2
lao động phi nông nghiệp	4	1
5.Ở riêng sau ly hôn	2	1
Ở chung với gia đình (cha mẹ, anh chị) sau ly hôn	5	2
6.Vị trí trong gia đình: con trưởng	2	1
con thứ	4	2
con út	1	

3.2.2.2. Xét theo khía cạnh tôn giáo

Bảng 3.7. Thống kê tổng hợp tiêu chí về gia đình các đôi ly hôn, khía cạnh tôn giáo (Nguồn: tư liệu điền dã của tác giả)

Các tiêu chí về gia đình	7 nam	3 nữ
1. Tình trạng sống đạo gia đình cha mẹ: đạo đức	2	1
khô đạo	2	
trung bình	3	2
2. Có hoà giải ở các cấp tôn giáo	4	1
3. Tác động của cha mẹ bên giáo đến ly hôn	1	
Tác động của cha mẹ bên lương đến ly hôn	5	1
Không rõ thông tin	1	2
4. Cha mẹ bên giáo chấp nhận cho ly hôn	3	1
Không rõ thông tin	4	2
5. Cha mẹ bên giáo chấp nhận cho tái hôn	2	1
Không rõ thông tin	5	2

Việc hoà giải ở các cấp độ tôn giáo sẽ được kể rõ hơn qua trường hợp cụ thể dưới đây.

Anh Phạm Văn Thái (1975) là giáo dân đạo gốc. Vào tháng 8-1998, anh làm quen với cô Ngô Thuỷ Phương là giáo dân ở giáo xứ Ngọc Thuỷ. Hôn lễ được cử hành năm 1998. Trong thời gian chung sống, hai bên hay xảy ra nhiều bất đồng nhỏ. Người vợ tức giận, bỏ đi với bào thai 1 tháng tuổi. Anh Thái cùng với mẹ đến nhà cha mẹ vợ xin đón vợ về lại gia đình. Anh trình sự việc lên cha sở giáo xứ Ngọc Thuỷ. Cha sở họp với Ban hành giáo của giáo xứ để nhờ các đoàn thể giáo xứ Ngọc Thuỷ vận động chị Phương hoà giải. Họ có đến nhà chị nhiều lần, nhưng gia đình chị không tiếp họ. Sau đó, gia đình anh Thái vào trình với cha sở giáo xứ Chợ Mới để cha giải quyết. Cha mời hai bên đến nhà xứ để khuyên can, người vợ có đến nhưng không chịu hoà giải mà còn nặng lời to tiếng với cha sở. Trong phiên tòa xử ly hôn, anh Thái không đồng ý ký đơn ly hôn, nhưng tòa vẫn xử ly hôn đơn phương theo yêu cầu của người vợ. Trường hợp vừa nêu trên đây cho thấy hoạt động tích cực của các đoàn thể và của cha sở ở cả hai giáo xứ Chợ Mới, Ngọc Thuỷ. Đây là một giải pháp cộng đồng mang tính đặc thù tôn giáo. Cộng đồng giáo

xứ cố gắng giúp đỡ các gia đình bất hoà trầm trọng theo phương châm “còn nước còn tát”.

3.3. Hậu quả việc ly hôn của người Công giáo

Ở đây chỉ trình bày những hậu quả có nét riêng biệt của người Công giáo ly hôn.

3.3.1. Đối với bản thân người ly hôn

Phần lớn người Công giáo ly hôn có những tâm tư riêng biệt. Đó là mặc cảm tội lỗi. Tiếp đến là mặc cảm đối với gia đình, họ hàng, vì “phụ lòng mong đợi của mọi người là tạo lập một gia đình hạnh phúc”.

3.3.2. Đối với gia đình họ hàng

Với phần lớn gia đình người Công giáo, họ phải chấp nhận sự kiện xảy ra chứ không khuyến khích, để khỏi mắc vạ tuyệt thông.

3.3.3. Đối với giáo xứ

“Nếp sống cộng đồng bị phá vỡ, sự thống nhất không còn toàn vẹn. Dưới góc độ tôn giáo, thì giáo lý, giáo luật bị xâm phạm. Những người ly hôn tạo gương xấu cho người khác bắt chước” (linh mục Nguyễn Ch.C.). Dư luận giáo dân phân hoá: tán thành hoặc phản đối.

3.3.4. Đối với cộng đồng dân cư.

Người ngoài đạo coi mở xem đây là hiện tượng bình thường trong một xã hội đang thay đổi, phát triển. Một số người khác lại cho rằng lối sống người Công giáo đã thay đổi theo chiều hướng suy giảm giáo lý, không còn giữ đặc trưng gia đình bất khả phân ly của họ như trước.

Tiểu kết chương 3

Vào thời điểm được thực địa, giáo xứ Chợ Mới đang tồn tại 14 trường hợp rời hôn nhân. Tuy chúng tôi chỉ tiếp cận được 7 đối tượng nam và 3 đối tượng nữ, nhưng các chỉ số thu thập được về cá nhân người ly hôn cũng như về gia đình người ly hôn tại địa bàn đã phản ánh khá đầy đủ các khía cạnh xã hội cũng như khía cạnh tôn giáo của thực trạng ly hôn nơi người Công giáo.

Có ba trường hợp ly hôn tiêu biểu được nêu ra. Chúng chưa đại diện cho tất cả mọi hoàn cảnh, nhưng cũng cho biết là dưới góc độ xã

hội và văn hoá, các trường hợp ly hôn của người Công giáo vừa có nhiều điểm chung với các trường hợp ly hôn của người không Công giáo, lại vừa có một số điểm riêng của nó.

Chương 4

MỘT VÀI VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ BÀN LUẬN TỪ CÁC TRƯỜNG HỢP LY HÔN CỦA GIÁO DÂN CHỢ MỚI

4.1. Những nhân tố tác động đến ly hôn của người Công giáo

Hart cho rằng tỷ lệ ly hôn gia tăng là dấu chỉ cho biết chuẩn mực và giá trị của hôn nhân và gia đình đã thay đổi.

4.1.1. Những nhân tố tác động đến giá trị hôn nhân

4.1.1.1. Sự thay đổi chuẩn mực về hôn nhân và gia đình

Đó là sự biến đổi ba yếu tố của chuẩn mực cũ: thay đổi mô hình gia đình, thay đổi chức năng gia đình và thay đổi thành phần gia đình.

4.1.1.2. Sự chuyển tiếp từ xã hội nông nghiệp sang xã hội phi nông nghiệp

Nông nghiệp gắn liền với văn hoá làng: tổ chức, dư luận, sống dựa nhau, truyền thống, mộ đạo.

4.1.1.3. Đô thị hoá nông thôn

Ảnh hưởng xen cư làm nhạt phong hoá lẫn hệ giá trị hôn nhân và gia đình của làng toàn tông.

4.1.2. Những nhân tố tác động đến xung đột vợ chồng

4.1.2.1. Yếu tố tình cảm

Tình cảm thay đổi theo hướng thực dụng: hết thoả mãn về nhau thì chia tay.

4.1.2.2. Yếu tố kinh tế

Gia đình căng thẳng vì các đòi hỏi của hệ thống kinh tế. Ngoài ra ngày nay phụ nữ tự chủ về tài chính hơn nên cũng làm chủ đời mình.

4.1.2.3. Yếu tố tôn giáo

Mâu thuẫn do vợ chồng khác tôn giáo dễ dẫn đến ly hôn vì một bên không coi trọng luật vĩnh hôn.

4.1.3. Những nhân tố tác động đến cơ hội thoát khỏi hôn nhân

4.1.3.1. Yếu tố pháp luật

Luật pháp, dư luận xã hội, ngay cả luật đạo cũng điều chỉnh theo hướng cởi mở.

4.1.3.2. Yếu tố đạo đức

Xã hội đang thay đổi chuẩn mực giá trị đạo đức thiên về lợi ích, cá nhân, hiện tại. Người có đạo bớt hy sinh hơn trước.

4.2. Tương đồng và khác biệt giữa các trường hợp ly hôn của người Công giáo và người không Công giáo.

4.2.1. Các điểm tương đồng

Có nhiều tương đồng được tóm tắt trong bảng 4.1. dưới đây.

4.2.2. Các điểm khác biệt

Đó là những khác biệt ngay trong các tương đồng nêu ở trên, vì yếu tố tôn giáo đan xen.

Bảng 4.1. Các tương đồng và khác biệt giữa các trường hợp ly hôn của người Công giáo và người không Công giáo. (Nguồn tư liệu điền dã của tác giả và so sánh tài liệu thư mục)

	Tương đồng	Khác biệt của bên Công giáo
Lý do ly hôn	Mâu thuẫn gia đình, Mâu thuẫn lối sống, Bạo lực gia đình, Kinh tế khó khăn, Ngoại tình, Các thói xấu bài bạc, nghiện... Không chia sẻ việc nhà	Mâu thuẫn lối sống khác tôn giáo
Tiến trình ly hôn	Hoà giải từ gia đình, gia tộc, thôn xã, toà án.	Hoà giải từ các đoàn thể, từ cha sở.
Thủ tục ly hôn	Người đứng đơn xin ly hôn Có thể xử đơn phương, xử vắng mặt hoặc theo thoả thuận của hai vợ chồng.	Ly hôn thụ động và ly hôn chủ động
Tiêu chí cá nhân người ly hôn	Thời gian làm quen, Độ tuổi kết hôn, độ tuổi ly hôn Độ dài hôn nhân Chênh lệch tuổi vợ chồng Trình độ học vấn Nghề nông hoặc phi nông,	Mức độ sống đạo Kết hôn với người đồng đạo, tông giáo hoặc với người không theo đạo. Tái hôn với người đồng đạo hoặc ngoài đạo

	Ngoại hôn hoặc nội hôn	
Tiêu chí gia đình người ly hôn	Số con cái (trai, gái, không con), làm dâu, ở rể, sống chung với gia đình chồng hoặc vợ, Ở riêng sau khi cưới dưới 1 năm hay trên 1 năm	Mức độ sống đạo của cha mẹ
Hậu quả ly hôn	Xét góc độ đời sống thì hậu quả về mặt tâm lý, về mặt kinh tế và xã hội. Xét góc độ con người thì hậu quả đối với bản thân, với con cái, gia đình, họ hàng, cộng đồng dân cư.	Không được tham dự vào các bí tích xưng tội, rước lễ, Không được đảm nhiệm một số trách nhiệm trong Giáo hội

4.3. Hiện tượng thể tục hoá các giá trị tôn giáo

4.3.1. Thể tục hoá giá trị hôn nhân và gia đình của Công giáo

Thể tục hoá là khi lấy quan điểm trần tục áp dụng vào lĩnh vực đạo đức, tôn giáo. Hoặc đứng trên quan điểm trần tục phê phán những quan điểm khác, chẳng hạn dùng luật dân sự thay thế luật tôn giáo.

4.3.2. Thể tục hoá do sai lầm trong hội nhập văn hoá

Trong thực tế, văn hoá Việt Nam vốn được hoà quyện với Phật giáo, Khổng giáo và Lão giáo. Phân biệt tách bạch văn hoá dân tộc với văn hoá của các tôn giáo không phải là chuyện dễ dàng. Khi giao tiếp với người ngoại, giáo dân bắt chước các kiêng cử của họ, lúc đầu vì lịch sự, tôn trọng phong tục người khác nhưng sau lại thực hành với lý do theo truyền thống dân tộc. Bắt chước nguyên xi của người khác, lấy của người (thể tục) làm của mình, đó là một dạng thể tục hoá do áp dụng hội nhập văn hoá sai lầm.

Tiểu kết chương 4

Từ các trường hợp ly hôn của người Việt theo Công giáo ở giáo xứ Chợ Mới, một vài vấn đề đã được rút ra và bàn luận, đó là việc thảo luận với lý thuyết ba nhân tố tác động đến ly hôn của Hart, sự tương đồng và khác biệt giữa ly hôn của người không Công giáo với ly hôn của người Công giáo, và hiện tượng thể tục hoá các giá trị tôn giáo, nguồn gốc xa của việc ly hôn nơi người Công giáo.

Nhìn chung, trừ vài chi tiết chưa thích hợp, lý thuyết ba nhóm nhân tố của Hart giải thích được phần lớn các trường hợp ly hôn của người Công giáo tại giáo xứ Chợ Mới.

Các trường hợp ly hôn của người Việt Công giáo có nhiều điểm tương đồng với các trường hợp ly hôn của người Việt không Công giáo, nhưng trong mỗi nhóm loại đều có điểm khác biệt do yếu tố tôn giáo xen vào. Các khác biệt này không hề nghịch với các điểm chung của ly hôn mà chỉ tạo nét nhấn riêng cho ly hôn Công giáo.

Hiện tượng người Công giáo ly hôn hiện nay có nguồn gốc xa từ việc thế tục hoá các giá trị hôn nhân. Việc thế tục hoá đó khiến một bộ phận giáo dân thay đổi quan niệm hôn nhân và gia đình theo hướng phi tôn giáo như hiện nay. Thế tục hoá có khi là do hiểu sai và áp dụng sai việc hội nhập văn hoá. Mà hội nhập văn hoá dân tộc đang là mối quan tâm trọng điểm của người Công giáo Việt Nam, từ lãnh đạo cho đến giáo dân, cho nên nhiều khi vì nóng vội, vì nhiệt tình mà áp dụng hội nhập sai lệch, dẫn tới thế tục hoá.

KẾT LUẬN

Việc khảo sát một số trường hợp ly hôn tiêu biểu tại một giáo xứ thôn quê ở Khánh Hoà tuy không tổng quát hóa mọi trường hợp ly hôn trong Công giáo, nhưng có giá trị độc sáng của tính cá biệt, và cũng nói lên tính tương đồng về tính chất ly hôn. Từ các trường hợp ly hôn đó, có thể thấy vài vấn đề nổi trội như sau:

1. Hiện nay, dưới tác động của toàn cầu hoá và nền kinh tế thị trường, quan niệm sống và lối sống của người Việt đã thay đổi. Quan niệm sống bị thay đổi là do mục đích sống: người ta sống cho bản thân, hưởng thụ nhiều hơn. Còn lối sống thì vội vã, thực dụng, hiệu năng, và chuyển đổi liên tục. Từ đó, quan niệm về giá trị hôn nhân và gia đình cũng như nếp sống gia đình của người Việt thay đổi theo. Đồng bào Công giáo cũng chịu ảnh hưởng đó như những người dân Việt khác. Một trong các hệ lụy nổi cộm là cứ mỗi năm ly hôn trên

toàn quốc gia tăng nhiều hơn năm trước. Ly hôn chẳng chừa cả đến gia đình Công giáo Việt Nam vốn bị ràng buộc bởi giáo lý cấm ly hôn.

2. Trước hiện tượng ly hôn trên thế giới, Công giáo không thể đứng yên như trước. Sự thay đổi về giáo thuyết, lý thuyết bắt đầu từ công đồng Vatican II (1962-1965) cho đến Tông huấn *Tông huấn Familiaris Consortio*(1981) của Giáo hoàng Gioan Phaolô II, Giáo lý Hội thánh (1992), và tiếp tục thông qua các Thượng hội đồng Giám mục (toàn thế giới) cho thấy sự cởi mở nhẹ nhàng với các trường hợp ly hôn. Về thực hành, Giáo hội đã nhân nhượng trong ứng xử với người ly hôn tái hôn: không còn kỳ thị và tuyệt giao “dứt phép thông công” với người ly hôn như trước kia, mà có sự quan tâm nhiều hơn đến họ. Tại giáo phận Nha Trang, án phạt vạ đối với cha mẹ có con cái ly hôn tái hôn đã được huỷ bỏ từ năm 2014. Từ khi bộ Giáo luật 1983 được ban hành, nhiều nhà thần học, nghiên cứu đã tìm cách hiểu mới, giải thích mới, dựa trên ứng dụng tiến bộ của ngành Tâm lý để có thể huỷ hôn hợp pháp cho các gia đình Công giáo có vấn đề. Án tiêu hôn tuy vẫn tiến hành cách cẩn trọng, nhưng nhanh hơn trước nhờ quy định của Tự sắc *Mitis Iudex Dominus Iesus* (Chúa Giêsu Thắm phán nhân từ) do Giáo hoàng Phanxicô ban hành ngày 8-9-2015. Từ nay chỉ cần một thẩm phán, một toà án công nhận hôn nhân bất thành là đủ. Ngay tại giáo xứ Chợ Mới, đã có trường hợp ly hôn tái hôn hưởng lợi ngay từ những thay đổi mới này. Giáo hội không khuyến khích, nhưng chấp nhận ly hôn trong một số trường hợp đặc biệt.

3. Các nguyên do ly hôn cho mọi gia đình, Công giáo lẫn không Công giáo, là như nhau. Ly hôn ở giáo xứ Chợ Mới còn chịu tác động do sự chuyển tiếp giữa xã hội nông nghiệp sang phi nông nghiệp, cũng như tiến trình đô thị hoá nông thôn. Nhìn chung, có thể giải thích các trường hợp ly hôn ở giáo xứ Chợ Mới theo ba nhóm nhân tố của Mary Nicolette Hart. Đó là các nhân tố tác động đến giá trị của hôn nhân, các nhân tố tác động đến xung đột vợ chồng, và các

nhân tố tác động đến cơ hội để cá nhân thoát khỏi hôn nhân. Ba nhóm nhân tố này tương ứng với ba chủ thể xã hội: cá nhân, gia đình, và cộng đồng, tập thể. Xét theo góc độ tôn giáo thì ly hôn ở giáo xứ này còn do tình trạng nhạt đạo và hiện tượng thế tục hoá quan điểm sống của một bộ phận giáo dân. Nếu sự nhạt đạo khiến người ta không sợ hình phạt hoả ngục, xem thường những giá trị thiêng liêng, thì việc thế tục hoá đưa những quan điểm trần tục vào đời sống tôn giáo, biến tôn giáo thành một phạm trù trần thế.

4. Khả năng uyển chuyển thích nghi của phần lớn giáo dân rất cao. Họ vừa giữ đạo (giáo lý, giáo luật) lại vừa hội nhập với xã hội Việt Nam cách hài hoà. Họ không đánh mất niềm tin vào đạo nhưng cũng không đánh mất bản sắc dân tộc Việt. Họ vừa trân trọng truyền thống lại vừa quan tâm với cái mới trong xã hội. Đây không phải là đi hàng hai, mà là một sự phân biệt rõ ràng từng lĩnh vực, và biết dung hoà thái độ. Cách ứng xử này mang dấu ấn tính cách người Việt. Chỉ có người lương tâm trong sáng và đơn giản mới có được thái độ như thế.

5. Có hai điều chắc chắn sẽ tồn tại song song:

Một là bao lâu còn con người thì hai giới nam nữ còn tìm đến nhau, kết hợp với nhau thành gia đình trong niềm tin rằng tình yêu dành cho nhau sẽ vững bền qua năm tháng, bất chấp phía trước sẽ là tan vỡ hay thất vọng về nhau. Tình yêu thì vĩnh cửu, chỉ con người là đổi thay.

Và hai là thế giới, xã hội đang biến chuyển, tiến bộ từng ngày, từng giờ. Không có gì đứng yên, vĩnh viễn bất động. Thế hệ cha ông khác thế hệ con cháu. Thời đại vẫn nối tiếp nhau đi và đến. Trên thế giới và ở Việt Nam đều đã có sự điều chỉnh lý thuyết, thực hành trong hôn nhân và gia đình. Những điều chỉnh này nên nhẹ nhàng, từ tốn chứ không thể ồ ạt và đột ngột. Cơ chế, luật lệ cần uyển chuyển thích hợp sao cho giữ được truyền thống tốt đẹp mà không bảo thủ, đổi mới mà không phi luật lệ. Cho ly hôn cách khinh suất là thiếu trách nhiệm; bác ly hôn là phản khoa học.

6. Trong xã hội Việt Nam bắt đầu xuất hiện một số yếu tố mới liên quan đến hôn nhân và gia đình như hôn nhân đồng tính, hôn nhân độc thân (vẫn kết hôn nhưng mỗi người có cuộc sống riêng), giới tính thứ tư (lưỡng tính) hoặc giới tính thứ năm (vô tính: chỉ yêu bản thân), mang thai hộ, thụ tinh nhân tạo. Mỗi yếu tố mới sẽ đáp ứng nhu cầu mới cho một lớp người, đồng thời tạo ra một vấn đề mới, chẳng hạn mang thai hộ sẽ gây tranh cãi về căn tính của người mẹ thật cho đứa con (sinh hay dưỡng mới quan trọng?), thụ tinh nhân tạo từ tinh trùng người khác có nguy cơ gặp hôn nhân cận huyết từ con của người cho tinh với con của người nhận tinh khi hai bên không hề biết nhau. Trong gia đình thì con cái hay cha mẹ mới là yếu tố ngăn cản tan vỡ? Đôi khi vì lợi ích của con cái, ly hôn lại là giải pháp tốt. Những vấn đề này khi xuất hiện trong cộng đồng người Việt Công giáo sẽ gây phản ứng, hậu quả như thế nào trong họ? Đây sẽ là những đề tài nghiên cứu mới có liên quan một phần tới luận án, tiếp nối luận án.

7. Tình hình ly hôn, đặc biệt ly hôn của người Việt Công giáo, ở đất nước ta sẽ còn biến chuyển theo hướng tăng hoặc giảm tùy vào các giải pháp mà Nhà nước cũng như lãnh đạo Công giáo đưa ra. Chế tài là giải pháp kém hữu hiệu. Thiết nghĩ các giải pháp giáo dục và văn hoá, những hình ảnh đẹp đẽ của những gia đình trong đó các thành viên sống hoà thuận, yêu thương nhau, quan tâm đến nhau vẫn là những giải pháp đem lại hiệu quả lớn. Trong vấn đề này đồng bào Công giáo cần đi đầu mới xứng đáng với truyền thống của họ, và mới thuyết phục được người khác là tôn giáo họ góp phần vào công cuộc củng cố văn hoá dân tộc.